TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **719**/2024/QĐST–HNGĐ	*Hai Bà Trưng, ngày 28 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG

- Căn cứ vào Điều 396, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 706/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa những người yêu cầu:

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 19xx – Nơi thường trú: xx, phường QL, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2. Ông Lê Văn C, sinh năm 19xx – Nơi thường trú: Thôn Q, xã T, thị xã Y, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị N và ông Lê Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày xx/xx/2000 tại Ủy ban nhân dân phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp.

[2] Bà N và ông C có đơn yêu cầu Toà án công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà. Toà án đã hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thoả thuận của đương sự ngày 18/10/2024.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thoả thuận của đương sự ngày 18/10/2024 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày hòa giải đoàn tụ không thành, lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thoả thuận của đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Lê Văn C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà N và ông C xác nhận vợ chồng có hai con chung là Lê Thị H, sinh ngày xx/xx/2002 và Lê Thị D, sinh ngày xx/xx/2010. Tình

trạng sức khỏe của con chung bình thường.

Đối với con chung Lê Thị H đã trên 18 tuổi, bà N và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng, nên Tòa không xem xét.

Bà N và ông C thỏa thuận giao con chung Lê Thị D cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con. Bà N và ông C tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

Ông C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà N và ông C xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, nên Tòa không xem xét.

- Về nợ chung: Bà N và ông C xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết về nợ chung, nên Tòa không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị N chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng lệ phí bà N đã nộp tại biên lai thu số 0024363 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, bà N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THA dân sự quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng (số xx, quyển số xx, ngày xx/xx/2000);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Mỹ Lanh